

Bản án số: 119/2024/DS-ST
Ngày: 05-9-2024
“V/v tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

Ông Nguyễn Văn Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*
Bà Phùng Kim Tho – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty). Trụ sở chính: Số A, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông **SOMYOT NGERNDAMRONG**, sinh năm 1966. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Địa chỉ thường trú: Số I, Tòa nhà S, tầng D, Ngõ C 10. Yaek 3 (B), đường C, tiểu khu T, quận L, Thành phố B, Thái Lan; Địa chỉ liên lạc: Số I, Tòa nhà S, tầng D, Ngõ C, Y (B), đường C, tiểu khu T, quận L, Thành phố B, Thái Lan.

2. Ông **KANOKWATPAISAL N**, sinh năm 1972; chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ thường trú: Số E, thôn F, xã S, huyện S, tỉnh Nonthaburi, Thái Lan; Địa chỉ liên lạc: Số I, đường L, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh V**; chức vụ: nhân viên; HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên lạc: Số E, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Giấy ủy quyền số 268/2024/UQ-SVN ngày 01/6/2024 – có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng V1**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số A, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung cùng ngày 08/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay do ông Nguyễn Minh V là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 26/10/2022, Công ty TNHH S1, Chi nhánh V2 (nay là Công ty cổ phần S có ngay) có xác lập với ông Nguyễn Hoàng V1 Hợp đồng cầm cố số VLM221001012NA20X ngày 26/10/2022.

Tài sản cầm cố là: 01 xe máy Biển số: 6482-307.31; Loại xe: SH Mode 125cc màu: xanh nâu; Số khung: RLHJF5151KZ083852; Số máy: JF87E5180543; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 118677 do Công an V3 cấp ngày 06/01/2020; nội dung Hợp đồng cầm cố thể hiện: **số tiền cầm cố: 31.900.000 đồng, thời hạn cầm cố: 12 tháng; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; ngày giải ngân: 26/10/2022; gốc, lãi, phí trả hàng tháng vào ngày 26 tây; lãi suất cầm cố và các khoản phí được thỏa thuận như sau: Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng; Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản: thanh toán đúng hạn là 2.0%, thanh toán trễ hạn 3%/tháng.**

Ngoài ra, Công ty và **ông V1** còn thỏa thuận cho **ông V1** mượn lại xe để sử dụng theo Giấy mượn xe ký ngày 26/10/2022, hàng tháng **ông V1** trả Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản: nếu thanh toán đúng hạn **là 2.0%, thanh toán trễ hạn 3%/tháng**. Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ 26/10/2022 đến 26/11/2022. **Nguyên đơn có giữ của bị đơn bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký số: 001024 do Công an tỉnh V3 cấp ngày 21/7/2022 cho ông V1.**

Để đảm bảo cho khoản cầm cố, khách hàng đã thế chấp: 01 xe máy Biển số: 6482-307.31; Loại xe: SH Mode 125cc màu: XANH NÂU; Số khung: RLHJF5151KZ083852; Số máy: JF87E5180543; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 118677 do Công an V3 cấp ngày 06/01/2020. Tài sản đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ số đăng ký giao dịch

số: 1477436516 (web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>) tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hà Nội.

Ông V1 đã thanh toán cho Công ty 19.485.000đồng (bao gồm, tiền gốc: 13.011.287đ, lãi: 1.380.302đ và phí: 5.093.410đ). Đến ngày 26 tháng 4 năm 2023 ông Vũ N1 không thanh toán nợ nên nợ chuyển sang quá hạn. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông V1 phải thanh toán cho Công ty số tiền tính đến ngày 05/07/2024 tổng cộng 24.947.367đồng (bao gồm: nợ gốc: 19.342.330 đồng, lãi trong hạn: 3.276.591 đồng, lãi quá hạn: 2.328.447đồng); Ngoài ra ông V1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 06/07/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông V1 không thực hiện nghĩa vụ, công ty yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe biển số 6482-307.31 để thu hồi nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/7/2024, Công ty xin rút lại yêu cầu phí quản lý hồ sơ và phí bảo dưỡng, hao mòn tài sản khi mượn xe.

Ngày 15/7/2024 ông V thay đổi ý kiến: không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với nội dung “Trường hợp ông V1 không thanh toán hay thanh toán không đầy đủ số nợ thì đề nghị Tòa án tuyên Công ty Cổ phần S Có Ngay được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là: 01 xe máy Biển số: 6482-307.31; Loại xe: SH Mode 125cc, màu: xanh nâu; Số khung: RLHJF5151KZ083852; Số máy: JF87E5180543; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 118677 do Công an V3 cấp ngày 06/01/2020 để thu hồi nợ” Nội dung này nguyên đơn sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án giải quyết khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thi hành án.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 04/9/2024, ông Nguyễn Minh V yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và: Lãi trong hạn tính từ ngày 31/3/2023 đến 26/10/2023: 19.342.330đ x 1.1%/tháng x 06 tháng 25 ngày = 1.453.898đ (tính tròn 1.454.000đ); Lãi quá hạn được tính từ ngày 27/10/2023 đến ngày xử sơ thẩm (05/9/2024): 19.342.330đ x 1,65%/tháng x 10 tháng 09 ngày = 3.340.420đ (tính tròn 3.340.000đ). Tổng số tiền yêu cầu bị đơn thanh toán là 24.136.330đồng (tiền gốc 19.342.330đ, lãi trong hạn 1.454.000đ và lãi quá hạn 3.340.000đ); yêu cầu bị đơn trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong; đồng ý trả bị đơn Giấy chứng

nhận đăng ký xe mô tô số: 118677 do Công an V3 cấp ngày 06/01/2020 và xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Đối với bị đơn Nguyễn Hoàng V1: Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm: ông Nguyễn Minh V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bảo lưu các ý kiến đã trình bày; bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án thông báo triệu tập họp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 309, 310, 311 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc ông Nguyễn Hoàng V1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là 24.136.330đồng (bao gồm: tiền gốc 19.342.330đ, lãi trong hạn 1.454.000đ và lãi quá hạn 3.340.000đ).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông V1 trả tiền phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng, hao mòn tài sản khi mượn xe và yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu honda, loại xe: SH, Biển số: 6482-307.31; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 118677 do Công an V3 cấp cho ông V1 ngày 06/01/2020.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả ông V1 bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 118677 do Công an V3 cấp ngày 06/01/2020; án phí bị đơn phải nộp, hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu ông V1 trả tiền cầm cố tài sản vì cho rằng quyền và lợi ích bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện. Bị đơn cư trú tại thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ nội dung xác nhận của Công an P, thành phố V (BL 123): ông Nguyễn Hoàng V1 có đăng ký thường trú tại: số A, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhưng đã bán nhà bỏ địa phương không rõ đi đâu; theo hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe cùng ngày 26/10/2022, thì địa chỉ của ông V1 là: số 100/28, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Như vậy, việc ông V1 bán nhà bỏ địa phương không rõ đi đâu là thuộc trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục xét xử và giấy triệu tập tham dự phiên tòa (lần 01 vào ngày 06/8/2024, lần 02 ngày 05/9/2024) bằng hình thức niêm yết nhưng bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không lý do nên xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét Hợp đồng cầm cố số VLM221001012NA20X:

Vào ngày 26/10/2022, Công ty và ông V1 xác lập Hợp đồng cầm cố số VLM221001012NA20X để ông V1 cầm cố cho Công ty A xe máy Biển số: 6482-307.31; Loại xe: SH Mode 125cc màu: xanh nâu; Số khung: RLHJF5151KZ083852; Số máy: JF87E5180543; Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 118677 do Công an V3 cấp ngày 06/01/2020. Công ty giao ông V1 số tiền 31.900.000đồng và thỏa thuận lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn.

Hợp đồng được các bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, khi giao dịch các đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Công ty Cổ phần S Có Ngay có

đăng ký kinh doanh và tại số thứ tự 27, Điều 4 của Điều lệ Công ty có nêu rõ các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong đó có: hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: dịch vụ cầm đồ, nên Công ty xác lập hợp đồng cầm cố với khách hàng là hợp pháp, đúng với ngành nghề kinh doanh mà Điều lệ của Công ty đã đăng ký, phù hợp quy định tại khoản 4, Điều 3 của Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

“4. Kinh doanh dịch vụ cầm đồ, gồm: Kinh doanh dịch vụ cho vay tiền mà người vay tiền phải có tài sản hợp pháp mang đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ để cầm cố”.

Sau khi thực hiện hợp đồng ông V1 đã thanh toán cho Công ty số tiền 19.485.000đồng (bao gồm tiền gốc: 13.011.287đ, lãi: 1.380.302đ và phí: 5.093.410đ) thì ngưng không thanh toán từ ngày 31/3/2023 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự kiện nguyên đơn yêu cầu nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 309 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Trong hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận lãi suất cầm cố trong hạn 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 6, Điều 29 Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cụ thể:

“6. Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự”.

Và tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...”*, nên mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ chấp nhận.

Hợp đồng cầm cố giữa nguyên đơn và bị đơn có thời hạn 01 năm tính từ ngày 26/10/2022 đến 26/10/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán nợ đến hết ngày 30/3/2023 thì ngưng cho đến nay. Nên buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán:

- Lãi trong hạn tính từ ngày 31/3/2023 đến 26/10/2023 (06 tháng 25 ngày): $19.342.330đ \times 1.1\%/tháng \times 06 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 1.453.898đ$ (tính tròn 1.454.000đ).
- Lãi quá hạn được tính từ ngày 27/10/2023 đến ngày xử sơ thẩm (05/9/2024) (10 tháng 09 ngày): $19.342.330đ \times (1.1\%/tháng \times 150\%) \times 10 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 3.340.420đ$ (tính tròn 3.340.000đ).

Nên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng: 24.136.330đồng (bao gồm: tiền gốc 19.342.330đ, lãi trong hạn 1.454.000đ và lãi quá hạn 3.340.000đ).

[3] Hiện nay, **nguyên đơn đang giữ bản gốc** Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 118677 của **ông V1**, **nguyên đơn tự nguyện trả ông V1** nên ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S Có Ngay trả ông Nguyễn Hoàng V1 bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 118677 do Công an V3 cấp ngày 06/01/2020.

[4] Xét thấy, cùng ngày ký hợp đồng cầm cố thì Công ty và **ông V1** còn thỏa thuận cho **ông V1** mượn lại xe để sử dụng theo Giấy mượn xe ký ngày 26/10/2022, thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ 26/10/2022 đến 26/11/2022. Ngoài thỏa thuận: bị đơn phải thanh toán lãi trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, các bên còn thỏa thuận **ông V1** trả: phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản: nếu thanh toán đúng hạn là **2.0%/tháng, thanh toán trễ hạn 3%/tháng**. Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền phí: 5.093.410đ nhưng thực tế nguyên đơn không quản lý xe mà xe do bị đơn quản lý, sử dụng, nên hàng tháng không làm phát sinh phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản, nguyên đơn thu các phí này là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 314 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn đã xin rút lại yêu cầu phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng, hao mòn tài sản khi mượn xe và yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là: 01 xe máy Biển số: 6482-307.31; Loại xe: SH Mode 125cc, màu: xanh nâu; Số khung: RLHJF5151KZ083852; Số máy: JF87E5180543; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 118677 do Công an V3 cấp ngày 06/01/2020 để thu hồi nợ. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 1.207.000đ (cách tính **24.136.330đồng** x 5% = 1.206.816đ – tính tròn: 1.207.000đ).

Như phân tích trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 1, 7, 8, 24 của Luật Doanh nghiệp; các Điều 117, 309, 310, 311, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị Định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc ông Nguyễn Hoàng V1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng số tiền **24.136.330đồng (hai mươi bốn triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, ba trăm ba mươi đồng)**, bao gồm: tiền gốc 19.342.330đ, lãi trong hạn 1.454.000đ và lãi quá hạn 3.340.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S Có Ngay có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Hoàng V1 bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 118677 do Công an tỉnh V3 cấp ngày 06/01/2020.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V1 trả phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng, hao mòn tài sản khi mượn xe và yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo đối với 01 xe máy Biển số: 6482-307.31; Loại xe: SH Mode 125cc, màu: xanh nâu; Số

khung: RLHJF5151KZ083852; Số máy: JF87E5180543; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 118677 do Công an V3 cấp ngày 06/01/2020.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Hoàng V1 phải nộp 1.207.000đ (một triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 688.000đ (sáu trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án No 0006767 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

